

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023; Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 62/TTr-STTTT ngày 18 tháng 10 năm 2024¹.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

¹ Đã được thông qua tại phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 9 năm 2024 (Thông báo số 289/TB-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VBQPPL*);
- Cục Bưu điện Trung ương - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân cấp huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Quyết định số: 53 /2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Truy cập trái phép: Người cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác chiếm quyền điều khiển; can thiệp vào chức năng hoạt động của phương tiện điện tử; lấy cắp, thay đổi, hủy hoại, làm giả dữ liệu hoặc sử dụng trái phép các dịch vụ.

Điều 4. Danh mục dịch vụ, ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Dịch vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương:

a) Dịch vụ mạng riêng ảo:

Sở Thông tin và Truyền thông được giao quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, tổng hợp nhu cầu, cung cấp thông tin kỹ thuật cho Cục Bưu điện Trung ương theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai, bảo đảm kết nối dịch vụ mạng riêng ảo;

Đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

b) Dịch vụ hội nghị truyền hình:

Dịch vụ hội nghị truyền hình của Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương là dịch vụ sử dụng kênh truyền Mạng truyền số liệu chuyên dùng và hệ thống điều khiển đa điểm của tỉnh để thiết lập kết nối các phiên họp trực tuyến giữa các điểm cầu;

Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm kết nối các điểm cầu thuộc đối tượng sử dụng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

c) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh:

a) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh;

c) Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh;

d) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh;

e) Hệ thống theo dõi chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Hệ thống Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh;

h) Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP);

i) Các ứng dụng thuộc Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

k) Hệ thống Camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh;

l) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã;

m) Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

n) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kon Tum.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI, CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 5. Quản lý, vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Quản lý:

a) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh, là đầu mối phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương trong quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy trong quản lý Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ mạng diện rộng của Đảng trên địa bàn tỉnh;

c) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối phối hợp các đơn vị, doanh nghiệp xử lý các vấn đề liên quan đến Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định.

2. Lắp đặt và quản lý, bảo vệ thiết bị của Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

a) Đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng có trách nhiệm đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (*nhật độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,...*), đảm bảo an toàn, an ninh (*theo quy định tại mục 3 của Phụ lục III, ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT*). Các thiết bị mạng, thiết bị đầu cuối sử dụng để kết nối truyền số liệu chuyên dùng có hỗ trợ công nghệ IPv6;

b) Đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng thông báo cho đầu mối hỗ trợ là Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

3. Vận hành:

a) Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị cung cấp dịch vụ vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

4. Xử lý sự cố:

a) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối xử lý sự cố Mạng truyền số liệu chuyên dùng, tiếp nhận cảnh báo từ Cục Bưu điện Trung ương, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thực hiện xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng dịch vụ;

c) Đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng có trách nhiệm:

Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ) thì liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng để được hỗ trợ khắc phục sự cố;

Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục;

Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 6. Kết nối

1. Mô hình kết nối:

a) Các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối qua hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông đảm bảo phù hợp với Mô hình 04 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT;

b) Kết nối trung tâm dữ liệu tỉnh Kon Tum với Mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo phù hợp với Mô hình 02 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT;

c) Doanh nghiệp viễn thông phải đảm bảo kết nối giữa các điểm thuộc Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh; bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đối với hạ tầng kết nối tuân thủ Điều 7 của Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT và hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

2. Địa chỉ IP:

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu và cung cấp thông tin cho Cục Bưu điện Trung ương theo Phụ lục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT;

b) Việc sử dụng địa chỉ IP phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức;

c) Doanh nghiệp viễn thông thiết lập địa chỉ IP, thông số kết nối cho đơn vị sử dụng Mạng TSLCD đã được Cục Bưu điện Trung ương cung cấp, định tuyến cho tỉnh Kon Tum;

d) Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện rà soát hoạt động sử dụng địa chỉ IP của Mạng TSLCD và gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

3. Định tuyến:

Các yêu cầu về tạo mới hoặc thay đổi chính sách định tuyến chỉ được triển khai sau khi thống nhất phương án giữa các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Sở Thông tin và Truyền thông và Cục Bưu điện Trung ương.

Điều 7. Chất lượng

1. Dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, được nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

Điều 8. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

1. Việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin kết Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

3. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập được thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

4. Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì quản lý, giám sát Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương.

Điều 9. Giá cước dịch vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Kinh phí sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước đường truyền và dịch vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của tỉnh sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung.

4. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương và các doanh nghiệp viễn thông trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

5. Kiểm tra, đề xuất và thay đổi dung lượng băng thông đường truyền của Mạng truyền số liệu chuyên dùng phù hợp với nhu cầu của đơn vị sử dụng dịch vụ.

6. Cung cấp cho Cục Bưu điện Trung ương các đầu mối quản lý, vận hành, sử dụng và xử lý sự cố Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định

hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 13 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg và Điều 15 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, khai thác Mạng truyền số liệu chuyên dùng giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 12 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg.

2. Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Tùy tình hình thực tế tổ chức, phân công cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách hoặc phụ trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị, cụ thể:

a) Quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của đơn vị (chỉ được phép cho nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng tiến hành xử lý và khắc phục các sự cố của thiết bị có liên quan trực tiếp đến Mạng truyền số liệu chuyên dùng; không được phép cho người khác sử dụng máy chủ kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị);

b) Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

5. Phối hợp xử lý sự cố kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định tại khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

6. Trước ngày 26/11 hàng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình sử dụng dịch vụ, ứng dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại cơ quan, đơn vị theo Mẫu báo cáo kèm theo Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng) khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các tổ chức kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(TÊN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ,
ỨNG DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ
LIỆU CHUYÊN DÙNG TẠI ĐƠN VỊ

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị, địa phương

Ngày nhận báo cáo:

NĂM 20...

Đơn vị nhận báo

Kỳ năm:

cáo: Sở TT&TT

1. Tình hình sử dụng dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng:

STT	Tên cơ quan, đơn vị sử dụng	Tên dịch vụ/ứng dụng	Số người dùng/điểm kết nối	Phân tách mạng nội bộ cho Internet và truyền số liệu chuyên dùng (có/không)
1				
2				

2. Tên doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ:

.....

3. Thiết bị hội nghị truyền hình:

STT	Tên cơ quan, đơn vị sử dụng	Hệ thống/Nền tảng hội nghị truyền hình (Tên, chủng loại)	Thiết bị đầu cuối	
			Thiết bị hội nghị truyền hình chuyên dùng	Máy tính và Camera
1				
2				

... ngày... tháng .. năm 20...

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Ký, họ tên/chữ ký số)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

- Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm (01 lần/năm) vào ngày 26/11.
- Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 25 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo cho đến ngày 24 tháng 11 của kỳ báo cáo.